

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn số 07/2004/QĐ-BNN
ngày 23/3/2004 về việc ban hành
Quy định trình tự, thủ tục lập,
thẩm định, phê duyệt thiết kế
kỹ thuật - tổng dự toán, thiết
kế kỹ thuật thi công - tổng dự
toán và thiết kế bản vẽ thi
công - dự toán hạng mục công
trình thủy lợi.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP
ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP
ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban
hành Quy chế quản lý đầu tư và xây
dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP
ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/
NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ
về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy
chế quản lý đầu tư và xây dựng;*

Căn cứ Nghị định số 88/1999/NĐ-CP

*ngày 01/9/1999 của Chính phủ ban
hành Quy chế Đấu thầu, Nghị định số
14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị
định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003
của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Quy chế Đấu thầu;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản
lý xây dựng công trình và Vụ trưởng Vụ
Khoa học công nghệ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này Quy định trình tự, thủ tục lập,
thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật -
tổng dự toán, thiết kế kỹ thuật thi công -
tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công -
dự toán hạng mục công trình thủy lợi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi
hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng
Công báo. Các quy định trước đây trái
với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng
các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Thứ trưởng

Phạm Hồng Giang

QUY ĐỊNH trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục công trình thủy lợi

(ban hành kèm theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BNN ngày 23/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích yêu cầu

Quy định này nhằm cụ thể hóa Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng của Chính phủ đã ban hành về công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục công trình thuộc các dự án thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và quy định trách nhiệm, quyền hạn của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn xây dựng, cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các hợp đồng tư vấn hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay (EPC) thuộc dự án thủy lợi sử

dụng vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, gồm:

a) Hợp đồng thiết kế của gói thầu tư vấn được chỉ định thầu hoặc đấu thầu (trong nước và quốc tế);

b) Hợp đồng chìa khóa trao tay (EPC) đối với dự án hoặc tiểu dự án hay gói thầu được chỉ định thầu hoặc đấu thầu (trong nước và quốc tế).

2. Đối với các dự án thủy lợi do các ngành, địa phương hoặc các tổ chức khác quản lý có thể vận dụng cho phù hợp.

Trong Quy định này, các thuật ngữ được hiểu theo quy định trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và trong tiêu chuẩn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành.

Điều 3. Trình tự thiết kế

Tất cả các công trình thủy lợi phải lập thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục.

Giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư, tùy theo tính chất, yêu cầu kỹ thuật của công trình, thực hiện thiết kế một bước (thiết kế kỹ thuật thi công) hoặc thiết kế hai bước (thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công) được quy định trong quyết định đầu tư.

1. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, xây dựng ở điều kiện địa hình, địa chất công trình và môi trường phức tạp, đòi hỏi phải xử lý nền hoặc có giải

pháp móng, kết cấu chịu lực chính phức tạp thì cần phải thiết kế hai bước: thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

2. Đối với công trình có kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu, xử lý nền móng và kết cấu không phức tạp thì được thiết kế một bước: thiết kế kỹ thuật - thi công.

Điều 4. Tổng dự toán, dự toán hạng mục công trình

Tất cả các công trình thủy lợi không phân biệt đấu thầu hay được phép chỉ định thầu đều phải lập tổng dự toán công trình, dự toán hạng mục và được thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1. Tổng dự toán công trình được thẩm định, phê duyệt cùng với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

2. Tổng dự toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt không được vượt tổng mức đầu tư đã được duyệt.

3. Tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt là giới hạn tối đa chi phí xây dựng công trình, làm căn cứ để tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu và quản lý chi phí trong quá trình thực hiện dự án.

4. Trường hợp những dự án nhóm A được Thủ tướng Chính phủ thông qua hoặc phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trong đó cho phép phân ra các dự án thành phần hoặc tiểu dự án, thì sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được người có thẩm quyền phê duyệt,

việc lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán công trình của các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện như công trình của một dự án đầu tư độc lập.

5. Trường hợp đặc biệt, nếu công trình xây dựng của dự án nhóm A chưa có tổng dự toán được phê duyệt hoặc chưa đủ điều kiện lập tổng dự toán thì chậm nhất sau khi thực hiện được 30% tổng mức đầu tư phải có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp này, trước khi đấu thầu hoặc chỉ định thầu, chủ đầu tư phải lập tờ trình nêu rõ lý do và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép để làm cơ sở cho việc phê duyệt tổng dự toán.

6. Tổng dự toán công trình cũng như dự toán hạng mục hoặc công tác xây lắp riêng biệt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có thể được điều chỉnh, bổ sung, nhưng tổng hợp lại không được vượt tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc điều chỉnh, bổ sung thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 và Thông tư số 07/2003/TT-BXD ngày 17/7/2003 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư và Thông tư số 08/2003/TT-BXD ngày 09/7/2003 của Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung và quản lý hợp đồng tổng thầu thiết kế - cung ứng vật tư, thiết bị - xây dựng (EPC).

Điều 5. Giao thầu tư vấn

Việc lựa chọn tư vấn thiết kế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/1999/

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

NĐ-CP ngày 01/9/1999 ban hành Quy chế đấu thầu, Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2002 và Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12/6/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu.

1. Đối với hợp đồng chỉ định thầu tư vấn thiết kế: Tổ chức tư vấn thiết kế phải lập thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục, dự toán khảo sát, dự toán thiết kế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước để làm cơ sở thanh quyết toán.

2. Đối với hợp đồng đấu thầu tư vấn:

a) Đấu thầu tư vấn quốc tế: Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn phải thực hiện theo các quy định trình tự, thủ tục theo Quy định này và các quy định của Nhà tài trợ;

b) Đấu thầu tư vấn trong nước: Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn phải thực hiện trình tự, thủ tục theo Quy định này và các quy định hiện hành trong nước.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ KỸ THUẬT HOẶC THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG - TỔNG DỰ TOÁN VÀ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN HẠNG MỤC

Điều 6. Khảo sát thiết kế

1. Yêu cầu của công tác khảo sát thiết kế:

Việc khảo sát phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Nhiệm vụ khảo sát phải phù hợp với yêu cầu bước thiết kế; phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế;

b) Đề cương khảo sát, khối lượng, nội dung, yêu cầu kỹ thuật đối với công tác khảo sát thiết kế phải được xác định phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật: về khảo sát địa hình áp dụng Tiêu chuẩn ngành 14 TCN 114 - 2000; về khảo sát địa chất áp dụng Tiêu chuẩn ngành 14 TCN 115 - 2000 và phương án đã nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu hoặc đề cương khảo sát xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình được chỉ định thầu.

Đề cương khảo sát do tổ chức thiết kế lập phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình chỉ định thầu hoặc thông qua trong hồ sơ mời thầu trước khi thực hiện (gọi chung là đề cương khảo sát đã được phê duyệt).

c) Kết quả khảo sát phải được đánh giá, kết luận, nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thực hiện công tác khảo sát:

Nhà thầu khảo sát phải thực hiện đúng nội dung hợp đồng ký kết, đề cương khảo sát đã được phê duyệt về tiến độ, phạm vi, khối lượng, chất lượng công việc khảo sát.

a) Đối với công trình chỉ định thầu: Thực hiện theo đề cương và dự toán đã được phê

duyet. Trường hợp tổ chức tư vấn thiết kế đề nghị điều chỉnh, bổ sung khảo sát, chủ đầu tư phải xem xét, thẩm tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung điều chỉnh, bổ sung và dự toán điều chỉnh, bổ sung;

b) Đối với công trình đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế: Tổ chức khảo sát thực hiện theo đề cương khảo sát trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu và quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu tư vấn (phần khảo sát). Trường hợp điều chỉnh, bổ sung khảo sát, chủ đầu tư phải xem xét, thẩm tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quyết định trúng thầu.

3. Báo cáo kết quả khảo sát:

a) Nội dung chủ yếu của báo cáo khảo sát bao gồm:

- Cơ sở và phương pháp khảo sát;
- Tổng hợp, phân tích số liệu, đánh giá kết quả khảo sát;
- Kết luận về kết quả khảo sát và kiến nghị.

b) Sản phẩm khảo sát phải được nghiệm thu bàn giao giữa tổ chức khảo sát với Ban A, tổ chức thiết kế và lưu giữ kết quả khảo sát. Việc nghiệm thu sản phẩm khảo sát thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (gọi tắt là Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng).

c) Báo cáo kết quả khảo sát phải lập 7 bộ, là cơ sở pháp lý để thực hiện lập thiết kế, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế.

Điều 7. Trình tự lập thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán

1. Yêu cầu lập thiết kế kỹ thuật:

a) Phù hợp với dự án đầu tư đã được phê duyệt;

b) Tuyến công trình, phương án bố trí tổng thể các hạng mục công trình chính tại đầu mối và các công trình khác phải hợp lý, đồng bộ và đáp ứng yêu cầu vận hành, sử dụng;

c) Thiết kế kỹ thuật phải phù hợp cấp công trình, với quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt trong Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư, các tiêu chuẩn phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và những tiêu chuẩn khác có liên quan để bảo đảm an toàn, tiết kiệm;

d) Xác định chính xác vị trí, quy mô, kết cấu các hạng mục công trình được đầu tư. Chi tiết hóa các kết cấu chịu lực chính, tính toán khối lượng cụ thể, chính xác đáp ứng yêu cầu lập dự toán hạng mục và hồ sơ mời thầu xây lắp;

đ) Chọn biện pháp và tiến độ thi công hợp lý để xây dựng, khai thác và bảo trì công trình một cách có hiệu quả, hạn chế gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường;

e) Trên cơ sở các hạng mục, phần việc đã được định hướng trong Quyết định đầu tư, xem xét để hoàn thiện việc phân chia gói thầu hợp lý nhất, đồng thời xác

định chính xác các khối lượng công tác chính, các loại vật tư, vật liệu, thiết bị;

g) Các quy định và hướng dẫn, các văn bản có liên quan của Nhà tài trợ (biên bản ghi nhớ, báo cáo xem xét kỹ thuật...). Các tiêu chuẩn thiết kế quốc tế đối với các công trình thuộc dự án vay vốn nước ngoài.

2. Cơ sở lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công:

a) Các thông số kỹ thuật và chỉ tiêu cần đạt được của công trình theo phương án đã được phê duyệt trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư;

b) Các tài liệu khảo sát, điều tra cơ bản, điều tra kinh tế - xã hội do tổ chức chuyên môn có tư cách pháp nhân lập;

c) Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, thiết kế mẫu được Nhà nước và ngành ban hành. Trường hợp áp dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài thì phải được Bộ Xây dựng chấp thuận;

d) Quyết định chỉ định thầu hoặc quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu tư vấn thiết kế, hồ sơ mời thầu tư vấn của chủ đầu tư, hồ sơ dự thầu của đơn vị trúng thầu và đề cương thiết kế kỹ thuật hoặc đề cương thiết kế kỹ thuật thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Đối với công trình thuộc dự án vay vốn nước ngoài, ngoài các quy định trên, nhà thầu thiết kế phải căn cứ vào:

- Các quy định và hướng dẫn của Nhà tài trợ đối với dự án vốn vay nước ngoài.

- Các văn bản có liên quan của Nhà tài trợ (biên bản ghi nhớ, báo cáo xem xét kỹ thuật...).

- Các tiêu chuẩn thiết kế quốc tế do tư vấn quốc tế lập đã sử dụng trong dự án khả thi đã được phê duyệt.

3. Trình tự lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công:

3.1. Nhà thầu thiết kế phải thực hiện theo trình tự:

a) Lập đề cương thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công, thuyết minh và tiến độ thực hiện trình chủ đầu tư thẩm tra để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công, thuyết minh và tiến độ thực hiện trên cơ sở đề cương đã được phê duyệt.

3.2. Nhà thầu phải hoàn chỉnh lại hồ sơ thiết kế sau khi thẩm định để cơ quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Đối với công trình thiết kế kỹ thuật thi công sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà thầu không phải lập thiết kế bản vẽ thi công.

4. Nội dung lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công:

Thành phần, khối lượng, nội dung lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công, thiết kế bản vẽ thi công thực hiện theo quy định trong Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN 285 - 2002), Tiêu chuẩn ngành TCN 119 - 2002 ban

hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BNN-XDCB ngày 17/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Quyết định số 51/2003/QĐ-BNN-XDCB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

5. Thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công:

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công lập theo mẫu phụ lục 4 tại Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế sơ bộ đã được phê duyệt cùng dự án.

3. Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt.

4. Các báo cáo kết quả khảo sát xây dựng có đủ nội dung nêu tại khoản 3 Điều 6 tại Quy định này.

5. Các báo cáo chuyên ngành. Công trình có những nội dung không lập báo cáo chuyên ngành thì những nội dung đó được trình bày chi tiết trong báo cáo chính.

6. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công được lập theo phụ lục 1 tại Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

7. Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế đối với các công trình thuộc dự án quy định tại khoản 1 Điều 8 trong Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

8. Biên bản nghiệm thu sản phẩm khảo sát xây dựng, thiết kế lập theo mẫu phụ lục 2, 3 tại Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

9. Các văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các yêu cầu có liên quan.

Đối với dự án nhóm A, nếu chưa có thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công được duyệt, nhưng cần thiết phải khởi công thì nhà thầu tư vấn phải lập thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục khởi công để chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ, trình tự thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục này được thực hiện theo trình tự thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán. Chăm nhất sau khi thực hiện được 30% tổng mức đầu tư, nhà thầu thiết kế phải lập xong và cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công. Việc lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục thực hiện theo các quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 8. Trình tự lập tổng dự toán công trình xây dựng:

1. Các yêu cầu lập tổng dự toán công trình:

Việc lập tổng dự toán công trình phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Tổng dự toán công trình phải do nhà thầu tư vấn thiết kế trúng thầu hoặc được chỉ định thầu lập;

b) Tổng dự toán công trình phải tổng hợp đầy đủ, chính xác khối lượng của các

hạng mục, phần việc trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công;

c) Tổng dự toán công trình phải được lập trên cơ sở định mức, dự toán, đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước và của khu vực công trình xây dựng;

d) Trường hợp tổng dự toán công trình lập trên cơ sở đơn giá điểm, thì đơn giá điểm của công trình phải được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt trước khi lập tổng dự toán;

đ) Đối với công trình thuộc dự án vay vốn nước ngoài (ODA), ngoài việc thực hiện các quy định trên, việc lập tổng dự toán công trình phải thực hiện theo các quy định trong Hiệp định đã được ký kết (cơ cấu nguồn vốn, chi phí tư vấn quốc tế...).

2. Căn cứ lập tổng dự toán công trình:

Căn cứ để lập tổng dự toán công trình gồm:

a) Tổng mức đầu tư trong quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư;

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công do tư vấn thiết kế lập;

c) Định mức, đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước và khu vực xây dựng công trình;

d) Các chế độ, chính sách trong nước hoặc ngoài nước có liên quan.

3. Nội dung lập tổng dự toán công trình:

a) Tổng dự toán công trình được lập theo đơn giá tổng hợp hoặc đơn giá riêng,

nhưng không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Giá trị tổng dự toán được xác định bao gồm: chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí khác và chi phí dự phòng;

b) Đơn vị tư vấn phải thực hiện tính chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng và phải tính khối lượng công tác xây lắp chủ yếu theo quy định tại Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 và Thông tư số 07/2003/TT-BXD ngày 17/7/2003 của Bộ Xây dựng;

c) Đối với tổng dự toán công trình thuộc dự án ODA, ngoài việc thực hiện các quy định trên, đơn vị tư vấn phải căn cứ vào quy định về tỷ lệ vốn trong nước (vốn đối ứng), vốn nước ngoài cho mỗi loại chi phí của Hiệp định đã ký kết và chi phí quản lý của chủ đầu tư để xác định cơ cấu nguồn theo quy định tại Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 của Bộ Xây dựng.

4. Thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt tổng dự toán công trình:

a) Tờ trình thẩm định, phê duyệt tổng dự toán theo mẫu phụ lục 4 tại Thông tư số 07/2003/TT-BXD ngày 17/6/2003 của Bộ Xây dựng;

b) Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng mức đầu tư;

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công đã được Bộ phê duyệt hoặc thông qua;

d) Định mức, đơn giá xây dựng cơ bản

hiện hành của Nhà nước và khu vực xây dựng công trình;

đ) Các chế độ, chính sách trong nước hoặc ngoài nước có liên quan;

g) Biên bản nghiệm thu hồ sơ tổng dự toán công trình giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập;

h) Bản thuyết minh tổng dự toán;

i) Biểu tổng hợp tổng dự toán, các biểu tổng hợp riêng từng khoản mục chi phí bao gồm: Chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí khác và biểu tính khối lượng công tác xây lắp chủ yếu hoặc dự toán hạng mục công trình.

Điều 9. Số lượng hồ sơ thiết kế và tổng dự toán công trình

1. Đối với thiết kế kỹ thuật:

Đơn vị thiết kế giao cho chủ đầu tư 07 bộ để gửi đến:

- Cơ quan phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán (01 bộ);

- Cơ quan thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán (01 bộ);

- Chủ đầu tư (03 bộ);

- Cơ quan Phòng cháy chữa cháy để thẩm định về phòng chống cháy (01 bộ - nếu cần);

- Nhà thầu xây lắp (01 bộ).

2. Đối với thiết kế kỹ thuật - thi công:

Đơn vị thiết kế giao cho chủ đầu tư 09 bộ để gửi đến:

- Cơ quan phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán (01 bộ);

- Cơ quan thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán (01 bộ);

- Chủ đầu tư (04 bộ);

- Cơ quan Phòng cháy chữa cháy để thẩm định về phòng chống cháy (01 bộ - nếu cần);

- Nhà thầu xây lắp (02 bộ);

Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu số lượng hồ sơ nhiều hơn so với quy định trên, phải được thỏa thuận trong hợp đồng và chủ đầu tư phải chịu chi phí in ấn số lượng hồ sơ tăng thêm đó.

Điều 10. Lập thiết kế bản vẽ thi công dự toán hạng mục

1. Yêu cầu chung:

a) Thiết kế bản vẽ thi công phải phù hợp với thiết kế kỹ thuật đã được duyệt;

b) Phải thể hiện được các chi tiết kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình để nhà thầu xây lắp thực hiện thi công xây lắp;

c) Phải đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán;

d) Phải có chú thích về quy cách vật liệu, hướng dẫn về trình tự, biện pháp thi công, an toàn lao động;

đ) Không được điều chỉnh hay sửa đổi làm giảm công suất, quy mô xây dựng, kết cấu chịu lực chính và tuổi thọ công trình đã nêu trong nhiệm vụ thiết kế và thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Trường hợp điều chỉnh hay sửa đổi làm thay đổi các chỉ tiêu kỹ thuật trên phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

- Trường hợp điều chỉnh mà không làm thay đổi các chỉ tiêu kỹ thuật trên, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận thông qua việc phê duyệt hồ sơ mời thầu xây lắp (nếu công trình đấu thầu) hoặc phê duyệt bản vẽ thi công (nếu công trình chỉ định thầu).

2. Căn cứ lập thiết kế bản vẽ thi công:

- a) Thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;
- b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
- c) Tài liệu về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, động đất tại khu vực xây dựng, tác động của môi trường, hiện trạng chất lượng công trình (trường hợp cải tạo sửa chữa), công trình kỹ thuật hạ tầng...

3. Nội dung lập thiết kế bản vẽ thi công:

Thành phần, khối lượng, nội dung lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán theo quy định trong Tiêu chuẩn ngành 14TCN 119-2002, ban hành tại Quyết định số 51/2002/QĐ-BNN-XDCB của Bộ Nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công:

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm:

- Tập bản vẽ gồm có: chi tiết mặt bằng hiện trạng, vị trí công trình trên bản đồ, trên tổng mặt bằng, chi tiết kiến trúc (mặt bằng, các mặt đứng, các mặt cắt...), chi tiết xây dựng (kết cấu nền móng, kết cấu chịu lực, hệ thống kỹ thuật công trình...), chi tiết các liên kết điển hình, phức tạp, dây chuyền công nghệ...

- Bảng tiên lượng các hạng mục công trình xây dựng, hạng mục công trình phụ trợ, công trình phục vụ thi công;

- Chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công;
- Quy trình vận hành, bảo trì công trình.

5. Dự toán xây lắp hạng mục công trình:

a) Giá trị dự toán xây lắp sau thuế của hạng mục công trình bao gồm giá trị dự toán xây lắp trước thuế và khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra;

b) Giá trị dự toán xây lắp trước thuế của hạng mục công trình bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước;

c) Việc lập dự toán xây lắp hạng mục công trình, phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 và Thông tư số 07/2003/TT-BXD ngày 17/6/2003 của Bộ Xây dựng.

Điều 11. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục là căn cứ pháp lý để lập hồ sơ mời thầu hoặc ký kết hợp đồng xây lắp (đối với công trình chỉ định thầu) và nhà thầu thực hiện thi công xây lắp.

Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục phải được chủ đầu tư thẩm tra ký đóng dấu theo quy định tại Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình xin phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục;

b) Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục đã được chủ đầu tư thẩm tra;

c) Thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

đ) Tài liệu về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, động đất tại khu vực xây dựng, tác động của môi trường, hiện trạng chất lượng công trình (trường hợp cải tạo sửa chữa), công trình kỹ thuật hạ tầng...

e) Định mức, dự toán đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước và khu vực xây dựng công trình;

g) Các chế độ, chính sách trong nước hoặc ngoài nước có liên quan;

h) Biên bản nghiệm thu hồ sơ bản vẽ thi công - dự toán hạng mục giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập.

2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ, chủ đầu tư 03 bộ, cơ quan thẩm định 02 bộ.

Chương III

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT - TỔNG DỰ TOÁN, THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG - TỔNG DỰ TOÁN, THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN HẠNG MỤC

Điều 12. Căn cứ để thẩm định

1. Các văn bản pháp lý liên quan:

a) Nghị định của Chính phủ;

b) Các văn bản của cơ quan nhà nước về quản lý chất lượng, chi phí công trình;

c) Các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, chính sách, chế độ có liên quan;

d) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

2. Tờ trình xin duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán do chủ đầu tư trình.

3. Hồ sơ thiết kế và tổng dự toán công trình.

4. Các văn bản chấp nhận thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về: giao thông thủy bộ, an toàn phòng chống cháy, nổ, an toàn môi trường, tài nguyên khoáng sản, đề điều và các yêu cầu có liên quan (nếu có).

5. Đối với các công trình thuộc dự án vay vốn nước ngoài (ODA): ngoài các căn cứ trên, khi thẩm định phải căn cứ vào các quy định của Nhà tài trợ; các văn bản có liên quan (biên bản ghi nhớ, báo cáo xem xét kỹ thuật...); các tiêu chuẩn thiết kế quốc tế do tư vấn quốc tế lập đã sử dụng trong dự án khả thi đã được phê duyệt và các quy định trong Hiệp định đã được ký kết (cơ cấu nguồn vốn, chi phí tư vấn quốc tế...).

Điều 13. Nội dung thẩm định

Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình thủy lợi thực hiện theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP

ngày 05/5/2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ; Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng và Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-XDCB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung chủ yếu bao gồm:

1. Tư cách pháp lý của đơn vị, cá nhân thiết kế;

2. Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật với nội dung đã được phê duyệt trong quyết định đầu tư về: quy mô, công nghệ, công suất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các định mức, đơn giá và các chính sách hiện hành có liên quan của Nhà nước; quy hoạch, kiến trúc, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng, giải pháp kỹ thuật, kết cấu công trình và quy trình vận hành hợp lý, cụ thể là:

a) Sự phù hợp và đúng đắn của đồ án thiết kế với dự án đầu tư được duyệt, các nội dung chủ yếu cần xem xét gồm:

- + Các tiêu chuẩn thiết kế;
- + Tuyến đập, tràn, cống và các công trình đầu mối khác, kênh dẫn nước.
- + Giải pháp kết cấu công trình, dung trọng đất đắp, xử lý nền, tiêu năng chống xói... của công trình;
- + Về công suất, cột nước, lưu lượng của các máy bơm, tuốc bin thủy lực;
- + Bố trí mặt bằng tổng thể khoa học, thuận lợi cho quản lý vận hành và mỹ thuật công trình;
- + Các định mức, đơn giá, khối lượng và giá thành công trình, hiệu quả dự án;

+ Diện tích đất xây dựng công trình (đất xây dựng và hành lang bảo vệ);

+ Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường và sinh thái;

+ Số liệu, các giải pháp, kế hoạch về đền bù, di dân và tái định cư;

+ Phương án phòng chống cháy nổ, an toàn và các vấn đề xã hội...

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật so với dự án được duyệt.

c) Sự phù hợp của tổng dự toán với thiết kế kỹ thuật được thẩm định không vượt quá tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

d) Các điều kiện và giải pháp kỹ thuật đảm bảo ổn định các công trình lân cận.

e) Phương án bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn trong khi thi công.

3. Đối với các công trình thuộc dự án lớn nhóm A, B có thể tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật từng phần của công trình thuộc dự án phù hợp với giai đoạn xây dựng (kiến trúc, nền móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống các công trình kỹ thuật), nhưng phải phù hợp với tổng mặt bằng toàn bộ công trình.

4. Đối với các công trình thuộc dự án ODA, ngoài các nội dung trên, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán phải phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật, cơ cấu nguồn vốn và các quy định khác trong Hiệp định ký kết.

5. Báo cáo kết quả thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phải nêu rõ

những sai sót của thiết kế và kết luận về việc sử dụng thiết kế - tổng dự toán.

Điều 14. Cơ quan thẩm định

1. Cơ quan thẩm định:

a) Cơ quan chức năng được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục có trách nhiệm tổ chức thẩm định và lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành có liên quan;

b) Đối với những công trình thủy lợi thuộc dự án nhóm A hoặc nhóm B có kỹ thuật phức tạp, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Cục, Vụ chức năng, các cơ quan chuyên môn có liên quan và chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn (địa chất, thủy văn, thủy năng, kết cấu công trình...), cơ quan chủ trì thẩm định là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định của Bộ. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định được quy định tại quyết định thành lập;

c) Đối với công trình thuộc dự án thủy lợi có kỹ thuật phức tạp do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý có văn bản đề nghị cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thì chủ đầu tư công trình của địa phương phải trình hồ sơ thẩm định và thực hiện trình tự, thủ tục theo Quy định này.

2. Quyền hạn của cơ quan thẩm định:

Cơ quan thẩm định yêu cầu chủ đầu tư và tư vấn thiết kế:

a) Yêu cầu chủ đầu tư trình hồ sơ thẩm định phải đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 10 tại Quy định này;

b) Yêu cầu tổ chức tư vấn báo cáo hoặc thuyết minh các vấn đề thuộc nội dung thẩm định đã nêu tại các Điều 6, 7, 8 và 9 tại Quy định này;

c) Yêu cầu tổ chức tư vấn sửa chữa những sai sót (nếu có). Trường hợp có những vấn đề không thống nhất trong quá trình thẩm định thì cơ quan thẩm định phải báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trách nhiệm thẩm định:

a) Cơ quan thẩm định hoặc thường trực Hội đồng thẩm định có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ hợp lệ do chủ đầu tư trình, nếu chưa hợp lệ phải yêu cầu bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung trong thời hạn quy định thẩm định;

b) Cơ quan chủ trì thẩm định và các cơ quan có liên quan tham gia thẩm định phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền phê duyệt và trước pháp luật về kết quả thẩm định của mình;

c) Cơ quan liên quan phải chịu trách nhiệm trước Bộ và trước pháp luật về ý kiến thẩm định của đơn vị mình;

d) Các chuyên gia thẩm định phải chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về ý kiến thẩm định của mình;

đ) Cơ quan chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các đơn vị có liên quan, đồng thời phải có kết luận, kiến nghị trong báo cáo thẩm định của mình và phải chịu trách nhiệm về kết luận đó. Báo cáo thẩm định phải thực hiện theo Phụ lục 5 tại Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng và Phụ lục 3 tại Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN ngày 11/9/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý chất lượng công trình thủy lợi (gọi tắt là Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

e) Trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình, cơ quan chủ trì thẩm định phải tổ chức báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt về kết quả thẩm định của mình. Cùng tham gia báo cáo, có đơn vị tư vấn thiết kế, đại diện địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan;

g) Trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình, cơ quan chủ trì thẩm định phải có báo cáo thẩm định và kèm theo đầy đủ các văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan, các chuyên gia tư vấn thẩm định và hồ sơ trình thẩm định. Những văn bản này phải được lưu trữ cùng hồ sơ của dự án đầu tư;

h) Đối với thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình thuộc dự án vay vốn

ODA: Sau khi hồ sơ đã được thẩm định cấp Bộ, Ban Quản lý Trung ương dự án Thủy lợi (CPO) chịu trách nhiệm làm việc với Nhà tài trợ để có văn bản thỏa thuận và gửi văn bản thỏa thuận cho cơ quan chủ trì thẩm định để trình người có thẩm quyền phê duyệt;

i) Cơ quan chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm dự thảo quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán trình người có thẩm quyền phê duyệt cùng với hồ sơ thẩm định và phải thực hiện theo Phụ lục số 4 tại Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 15. Thời gian thẩm định và chi phí thẩm định:

1. Thời gian thẩm định thiết kế, tổng dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 37 trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Dự án nhóm A: không quá 45 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Dự án nhóm B: không quá 30 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Dự án nhóm C: không quá 20 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán được tính trong tổng dự toán công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương IV

PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ KỸ THUẬT - TỔNG DỰ TOÁN, THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG - TỔNG DỰ TOÁN, THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN HẠNG MỤC

Điều 16. Căn cứ phê duyệt

Các căn cứ để phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán gồm:

1. Thuyết minh lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công;

2. Bộ bản vẽ triển khai (mặt bằng hiện trạng, vị trí công trình trên bản đồ, triển khai tổng mặt bằng, hạng mục, kiến trúc, kết cấu...);

3. Các bảng tính toán khối lượng công việc chủ yếu;

4. Thuyết minh lập tổng dự toán;

5. Tổng dự toán và tổng tiến độ (đối với công trình phải phê duyệt tổng tiến độ);

6. Văn bản thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình của cơ quan thẩm định;

7. Tài liệu diễn giải và tổng hợp khối lượng xây lắp công trình (tiên lượng) được xác định trong thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công;

8. Các định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách, các chi phí khác theo quy

định của Nhà nước và Nhà tài trợ được áp dụng;

9. Văn bản khác liên quan (nếu có).

Điều 17. Nội dung quyết định phê duyệt

1. Phê duyệt các nội dung chính của thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công, gồm:

a) Tên, địa điểm;

b) Quy mô công trình, công nghệ, công suất;

c) Diện tích đất sử dụng: gồm diện tích đất sử dụng vĩnh viễn và tạm thời...;

d) Xác định chủ đầu tư và hình thức quản lý thực hiện dự án;

đ) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính, cấp công trình, quy hoạch kiến trúc, các tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng, quy trình vận hành;

e) Kỹ thuật về bảo vệ các công trình lân cận, môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;

g) Các giải pháp thiết kế kỹ thuật xây dựng;

h) Việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật có thể thay đổi so với thiết kế sơ bộ, nhưng không được làm thay đổi nội dung quyết định đầu tư.

2. Phê duyệt tổng dự toán:

a) Giá trị tổng dự toán gồm cơ cấu vốn xây lắp, thiết bị và chi khác được duyệt phù hợp với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt;

b) Thời điểm xác định giá trị tổng dự toán;

c) Nguồn vốn đầu tư (trong nước, nước ngoài, địa phương, người hưởng lợi...);

d) Phương án tái định cư;

đ) Những vấn đề cần lưu ý hoặc tồn tại, yêu cầu phải bổ sung hồ sơ (nếu có);

e) Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương liên quan thi hành quyết định.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục

Thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình thủy lợi sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm 14 Điều 1 Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hoặc phân công cho Thứ trưởng phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình thủy lợi thuộc dự án nhóm A, B, C.

2. Tùy tính chất và yêu cầu kỹ thuật của công trình thủy lợi, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thể ủy quyền cho Cục trưởng, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Bộ hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước thuộc Bộ phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công -

tổng dự toán công trình thuộc dự án nhóm B, C.

3. Đối với dự án nhóm A, nếu chưa có thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán được duyệt, nhưng cần thiết phải khởi công thì phải có thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục khởi công được người có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp. Chậm nhất sau khi thực hiện được 30% tổng mức đầu tư phải có thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cục trưởng, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Bộ được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục công trình phải trên cơ sở thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán công trình đã được phê duyệt.

5. Chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục công trình phụ (hàng rào, nhà thường trực ...) và những hạng mục công trình không phải đấu thầu phải trên cơ sở thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán công trình đã được phê duyệt.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Tổ chức khảo sát thiết kế

Tổ chức khảo sát thiết kế phải thực hiện các quy định tại Điều 15, khoản 2

Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ, Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng, Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các nội dung có liên quan tại Quy định này.

1. Tổ chức khảo sát chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đề cương khảo sát đã được phê duyệt đảm bảo chất lượng, thời gian quy định trong hợp đồng.

2. Tổ chức khảo sát chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chất lượng tài liệu khảo sát do mình thực hiện trước tổ chức thiết kế, chủ đầu tư và trước pháp luật.

3. Tổ chức khảo sát chịu trách nhiệm bồi thường các phát sinh do kết quả khảo sát sai với thực tế.

4. Trong quá trình thực hiện khảo sát, tổ chức khảo sát có quyền đề nghị điều chỉnh, bổ sung công việc khảo sát cho phù hợp với yêu cầu thiết kế và điều kiện thực tế để đảm bảo chất lượng công trình (nếu có).

5. Trường hợp chỉ định thầu, Tổ chức khảo sát phải lập dự toán khảo sát trình Ban A thẩm tra để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán chi phí khảo sát.

Điều 20. Trách nhiệm của Tư vấn thiết kế

Tư vấn thiết kế phải thực hiện các quy

định tại Điều 15, khoản 2 Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ, Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng và Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các nội dung có liên quan tại Quy định này.

1. Tổ chức tư vấn thiết kế phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện, năng lực về tư cách pháp nhân, đăng ký hành nghề tư vấn thiết kế và chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, về tính chính xác của sản phẩm thiết kế (giải pháp kỹ thuật và khối lượng dự toán), đặc biệt là các nội dung kinh tế - kỹ thuật được xác định trong sản phẩm thiết kế của mình và phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

2. Trong các sản phẩm thiết kế, nghiêm cấm các tổ chức tư vấn chỉ định sử dụng các loại vật tư kỹ thuật của nơi sản xuất, cung ứng nào đó mà chỉ được phép yêu cầu chung về tính năng kỹ thuật của vật liệu hoặc vật tư kỹ thuật.

3. Đồ án thiết kế chỉ được thực hiện khi chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế có đủ năng lực theo quy định của Bộ Xây dựng và được xác định trong hồ sơ dự thầu (trường hợp đấu thầu tư vấn). Người chủ nhiệm thiết kế và các chủ trì thiết kế phải chịu trách nhiệm cá nhân trước chủ đầu tư và trước pháp luật về

chất lượng thiết kế, kết quả tính toán, an toàn kết cấu và sự ổn định công trình (bao gồm cả tính chính xác của tiên lượng, dự toán) sản phẩm do mình thực hiện.

4. Tổ chức tư vấn thiết kế phải có hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thiết kế để kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế.

5. Đề ra yêu cầu, kiểm tra lại kết quả và nghiệm thu những tài liệu khảo sát đúng yêu cầu thiết kế.

6. Đảm bảo thực hiện tiến độ thiết kế theo hợp đồng ký kết, cung cấp các tài liệu thiết kế đúng hạn và chịu trách nhiệm bổ sung, sửa chữa lại theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, cấp có thẩm quyền.

7. Trình bày, thuyết minh thiết kế trong quá trình thẩm định, xét duyệt và hoàn chỉnh thiết kế đó theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, phê duyệt.

8. Tổ chức tư vấn lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công phải thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp và nghiệm thu công trình.

9. Tổ chức thiết kế không được giao thầu lại toàn bộ hợp đồng hoặc phần chính của nội dung hợp đồng cho tổ chức tư vấn thiết kế khác.

10. Nghiêm cấm tổ chức thiết kế nhận thầu thiết kế quá phạm vi đã đăng ký hoặc mượn danh nghĩa của tổ chức thiết kế khác dưới bất kỳ hình thức nào.

11. Giữ bản quyền tác giả của đồ án

thiết kế (trừ thiết kế mẫu được Nhà nước ban hành), lưu trữ và quản lý các tài liệu gốc. Khi sử dụng thiết kế đã có bản quyền tác giả, tổ chức thiết kế phải trả tiền bản quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật việc sử dụng của mình.

12. Tham gia với chủ đầu tư nghiệm thu công trình theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, do Bộ Xây dựng ban hành. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, thay đổi thiết kế khi phát sinh trong quá trình thi công xây lắp.

13. Trường hợp chỉ định thầu, nhà thầu thiết kế phải lập dự toán lập thiết kế công trình chủ đầu tư thẩm tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán chi phí thiết kế.

Việc thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật của chủ đầu tư và cơ quan thẩm định không làm giảm nhẹ trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trước pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 14, khoản 1 Điều 46 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/ND-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ, Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng và Quyết định số 91/2001/QĐ-BNN-KHCN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các nội dung có liên quan tại Quy định này.

1. Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về lập, thẩm định và trình duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự

toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục.

2. Tổ chức đấu thầu hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế. Giá thiết kế công trình được xác định theo kết quả đấu thầu tuyển chọn tư vấn thiết kế, nhưng không được cao hơn mức giá thiết kế do Bộ Xây dựng ban hành.

3. Ký hợp đồng giao thầu thiết kế với các tổ chức tư vấn xây dựng có tư cách pháp nhân thiết kế đúng ngành nghề theo đăng ký hoạt động tư vấn được cấp, theo dõi đôn đốc việc thực hiện thiết kế đúng quy định của hợp đồng.

4. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm thẩm tra nội dung, chất lượng hồ sơ thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục do tư vấn thiết kế lập theo hợp đồng đã ký kết trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt và cơ quan thẩm định.

5. Theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư phải thuê tổ chức tư vấn thiết kế không trực tiếp thiết kế thực hiện thẩm tra thiết kế kỹ thuật trước khi trình thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật các công trình đê, đập, hồ chứa nước, những công trình khi bị sự cố có thể xảy ra thảm họa. Các công trình khác do chủ đầu tư tự thực hiện thẩm tra. Kinh phí thẩm tra thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Chủ đầu tư có trách nhiệm trình cơ quan có chức năng thẩm định hồ sơ thiết kế - tổng dự toán công trình trước khi cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục, theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

7. Được quyền yêu cầu các tổ chức tư vấn giải trình về chất lượng vật liệu, thiết bị và công việc do tổ chức này lập.

8. Cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho tổ chức tư vấn thiết kế làm căn cứ thiết kế công trình.

9. Yêu cầu tổ chức tư vấn thiết kế giải quyết những vấn đề phát sinh (nếu có) do thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây lắp.

10. Thanh toán kinh phí khảo sát, thiết kế giữa chủ đầu tư với tổ chức khảo sát, tư vấn thiết kế theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng thực hiện, dự toán được duyệt đối với công trình chỉ định thầu hoặc theo quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu đối với công trình đấu thầu.

Đối với công trình đấu thầu tư vấn quốc tế, ngoài việc thực hiện trình tự, thủ tục tại Quy định này, chủ đầu tư phải thực hiện quy định của Nhà tài trợ đã được ký kết trong Hiệp định.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục

1. Người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán

chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Các cơ quan được giao thẩm định, Hội đồng thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền phê duyệt và trước pháp luật về kết quả thẩm định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này.

- Đối với công trình đấu thầu tư vấn quốc tế, cơ quan thẩm định phải có văn bản thỏa thuận của Nhà tài trợ trong hồ sơ trình người có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán công trình.

- Cơ quan thẩm định có thể thuê các tổ chức tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, năng lực và chuyên gia tư vấn để thẩm định thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình chuyên ngành hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Các tổ chức, cá nhân thẩm định phải chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định chuyên môn của mình.

3. Văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công - tổng dự toán công trình phải gửi cho các cơ quan sau đây để giám sát và quản lý:

a) Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư nhóm A, không phân biệt nguồn vốn, gửi: Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ

Tài chính, Kho bạc Nhà nước Trung ương, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xây dựng công trình;

b) Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư nhóm B, C, gửi: Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan kế hoạch và tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi xây dựng công trình.

4. Tài liệu thiết kế được duyệt, cơ quan thẩm định và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải quản lý, giao nhận, lưu trữ theo quy định hiện hành của Bộ và của Nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định khác trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ chức năng, Ban Quản lý dự án và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đơn vị gửi văn bản về Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Phạm Hồng Giang

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 21/2004/TT-BTC
ngày 24/3/2004 hướng dẫn việc
đấu thầu trái phiếu Chính phủ,
trái phiếu được Chính phủ
bảo lãnh và trái phiếu Chính
quyền địa phương qua thị
trường giao dịch chứng khoán
tập trung.

*Thực hiện Nghị định số 141/2003/
NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ
về việc phát hành trái phiếu Chính phủ,
trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và
trái phiếu Chính quyền địa phương, Bộ
Tài chính hướng dẫn việc đấu thầu trái
phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính
phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền
địa phương (gọi chung là trái phiếu) qua
thị trường giao dịch chứng khoán tập
trung như sau:*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng điều chỉnh của Thông tư

này là các tổ chức phát hành, bao gồm: Kho bạc Nhà nước (phát hành trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình Trung ương, trái phiếu Chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Quỹ Hỗ trợ phát triển (phát hành trái phiếu đầu tư), doanh nghiệp (phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh), các tổ chức tài chính, tín dụng (phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Trái phiếu phát hành qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán).

Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính quyền địa phương được mua, bán trên thị trường tiền tệ hoặc chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào kế hoạch huy động vốn hàng năm của ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và tiến độ sử dụng vốn, tổ chức phát hành xây dựng kế hoạch đấu thầu trái phiếu hàng tháng, quý, chi tiết theo loại kỳ hạn, thông báo cho các đối tượng đầu tư để có kế hoạch tham gia thị trường.

4. Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán) là đại lý cho tổ chức phát hành trong việc xét duyệt thành viên tham gia đấu thầu, nhận đơn đặt thầu, xét thầu và công bố kết quả đấu thầu.